

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày 03 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Phạm H Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 554a/2022/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Phùng Kiều T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Ông Thạch Văn L, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh C.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 11/5/2022, ông Thạch Văn L vay ông số tiền 39.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng. Quá trình nhận tiền, ông L có ký tên vào biên nhận nợ, hẹn thời gian trả nợ vào ngày 10/6/2022. Ngày 20/6/2022, bà Lê Thị H cam kết nhận trả

thay khoản tiền nợ cho ông Thạch Văn L, cam kết đến ngày 20/7/2022 trả nợ. Từ khi còn nợ, nhận nợ đến nay ông L1, bà H không trả như thỏa thuận, ông có liên hệ yêu cầu trả tiền nhưng ông L1, bà H cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Phùng Kiều T là vợ ông L1, do nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu bà T cùng liên đới trả nợ với ông L1. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thạch Văn L, bà Phùng Kiều T và bà Lê Thị H cùng liên đới trả số tiền vốn vay 39.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 11/5/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Thạch Văn L, bà Phùng Kiều T và bà Lê Thị H trả tiền từ việc vay tiền còn nợ chưa thanh toán nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Thạch Văn L, bà Phùng Kiều T và bà Lê Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Ông Nguyễn Việt S xác định ông Thạch Văn L vay số tiền là 39.000.000 đồng. Ông L1 là người ký tên vào biên nhận nợ. Sau đó, ngày 20/6/2022, bà Lê Thị H ký tên bảo lãnh trả nợ thay cho ông Thạch Văn L. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Ông Nguyễn Việt S xác định là vào ngày 11/3/2022, ông Thạch Văn L vay ông số tiền 39.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 1,66%/tháng, thời gian trả nợ là ngày 10/6/2022. Từ khi vay đến nay ông L1 không đóng lãi, không trả vốn như đã thỏa thuận. Ông Nguyễn Việt S có liên hệ đòi nhưng ông L1 cứ hứa hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó ông L1 phải có trách nhiệm trả tiền cho ông Nguyễn Việt S.

[4]. *Về nghĩa vụ thanh toán*: Do ông L1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bà T là vợ ông L1, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà T phải có trách nhiệm liên đới cùng ông L1 trả số tiền còn nợ cho ông S, số tiền cụ thể được tính như sau: 39.000.000 đồng tính lãi từ ngày 11/5/2022 đến ngày 03/02/2023 là 08 tháng 23 ngày, tiền lãi được tính như sau: 39.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 08 tháng 23 ngày = 5.675.540 đồng. Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là 44.675.540 đồng.

[5]. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp biên nhận nợ ngày 11/5/2022 có nội dung ông L1 còn nợ số tiền vay là

39.000.000 đồng, Giấy cam kết ngày 20/6/2022 bà Lê Thị H ký cam kết bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán nợ vay.

[6]. Đối với ông L1, bà T, bà H không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do ông L1, bà T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S là buộc ông ầu, bà T, bà H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S tổng số tiền là 44.675.540 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Việt S được chấp nhận nên ông L1, bà T và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng điều 463; điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S.

Buộc ông Thạch Văn L, bà Phùng Kiều T và bà Lê Thị H liên đới trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 44.675.540 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Thạch Văn L, bà Phùng Kiều T và bà Lê Thị H phải chịu 2.233.777 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018322 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước